TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ – TP HÀ NỘI** **-----***-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **-----***-----**
Số: **52**/2020/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 30 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc " Xin ly hôn", giữa:

*Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:**Anh Lê Xuân D**, sinh năm 1987

Hộ khẩu thường trú: xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Trú tại: thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17tháng 01năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986.

- Anh **Lê Xuân D,** sinh năm 1985

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân D cùng thuận tình ly hôn.

***Về con chung**: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân D xác nhận có 01 con chung là cháu Lê Văn M (Giới tính nam), sinh ngày 26/03/2013, sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi có Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về án phí**: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu150.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006440 ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

***Nơi nhận* :**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Thanh Trì;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H.Thanh Trì;
- UBND xã T, huyện T, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 31/01/2013);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

(đã ký)

Lê Huyền Thu